

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 27/CV-TS ngày 11/4/2023 của Công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn về việc giải trình những nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong hội đồng thẩm định dự án "Đầu tư điều chỉnh xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường";

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn, địa chỉ tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư điều chỉnh xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ núi Thung đền Bà Oanh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: "Đầu tư điều chỉnh xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ núi Thung đền Bà Oanh, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam".

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0700246376, đăng ký lần đầu ngày 16/4/2007,

đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/09/2022. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700246376

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 9,29 ha.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất:

+ Công suất khai thác đá: 400.000 m³/năm đá nguyên khối;

+ Công suất chế biến đá: 582.000 m³/năm đá nở rời.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường và yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty TNHH KTĐ Trường Sơn (để thực hiện);
- TT CNTT TN&MT (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Văn Long

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Bể tự hoại khu vực nhà điều hành;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước đường ĐT.494C, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Nước thải sau xử lý được xả thải vào rãnh thoát nước đường ĐT.494C, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X = 2265209; Y = 591209;

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1,5 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành sau khi được xử lý tại bể tự hoại được đưa về bể lọc sinh học để tiếp tục xử lý bằng ống nhựa PVC D110, chiều dài khoảng 12m.

- Nước thải sau xử lý được thải ra môi trường tại 01 điểm xả nước thải có tọa độ: X = 2265209; Y = 591209;

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể lọc sinh học → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: Bể sinh học có dung tích thiết kế 19,9m³.

- Hóa chất sử dụng: Viên nén Clo (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này*).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm 06 tháng kể từ ngày được cấp phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tọa độ X = 2265209; Y = 591209

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Trạm nghiền sàng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3^o)

- Nguồn số 01: X = 2265257, Y = 591150.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	10
2.	Dầu thải động cơ	170203	45
3.	Giẻ lau dính dầu, mỡ	180201	50
4.	Xỉ hàn thải	070402	15
5.	Ắc quy chì thải	190601	35
6.	Vỏ can nhựa dính dầu thải	180103	30
7.	Vỏ thùng phuy sắt dính dầu thải	180102	150
8.	Vỏ bao nilon dính thuốc nổ	180101	196
Tổng cộng			531

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 3.577 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường (xăm, lốp xe, đầu mẫu sắt thép) khoảng 550kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng phuy.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 16m².

+ Thiết kế, kết cấu của kho: Kho được xây dựng có tường bao, mái che, nền được đổ bê tông, có biển cảnh báo và các phương tiện ứng phó sự cố.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 02 thùng rác dung tích 20 lít, 02 thùng dung tích 50 lít có nắp đậy tại khu vực bếp ăn, văn phòng.

- Chất thải công nghiệp thông thường được thu gom, phân loại và bán cho các đơn vị thu mua.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố môi trường và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với khu vực mặt tầng và sườn tầng: Sau khi kết thúc khai thác tiến hành trồng cây Sanh và cây Sắn Dây rừng với tỷ lệ 50:50.
- Khu vực đáy mỏ sau khi kết thúc khai thác: Khi kết thúc khai thác ở cao độ +100m trồng cây Sanh xen kẽ với cây Cỏ lau với tỷ lệ 50:50 và mật độ 4m²/cây. Kích thước hố trồng cây là 0,3x0,3x0,3m.
- Khu vực bãi chứa nguyên liệu: trồng cây Sanh xen kẽ cây Cỏ lau với tỷ lệ 50:50 và mật độ 4m²/cây. Kích thước hố trồng cây là 0,3x0,3x0,3m.
- Khu vực văn phòng, bãi chế biến:
 - + Tháo dỡ các công trình, di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực.
 - + Trồng cây cỏ lau xen kẽ cây keo với tỷ lệ 50:50 và mật độ 4m²/cây.
- Khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác đá: Sau khi kết thúc khai thác tiến hành thu dọn đất đá văng do quá trình nổ mìn khai thác, vận chuyển và đào hố trồng cây cỏ Lau xen kẽ cây sanh với mật độ 4m²/cây;
- Tổng kinh phí của Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 142/QĐ-STN&MT ngày 25/5/2020 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là: **1.623.188.589 đồng** (Một tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn năm trăm tám mươi chín đồng).

2. Kế hoạch thực hiện:

TT	Tên công trình	Thời gian hoàn thành
I	Khu vực khai thác	
1	Trồng cây Sắn dây rừng xen kẽ cây Sanh khu vực sườn tầng	Trồng, chăm sóc, quản lý trong thời gian 3 năm sau khi kết thúc khai thác, bàn giao lại cho địa phương quản lý
2	Trồng cây cỏ lau kết hợp cây sanh trên khu vực đáy mỏ	Trồng cây trong vòng 6 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm tiếp theo, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý
II	Khu vực văn phòng, bãi chế biến	
1	Di dời máy móc thiết bị, tháo dỡ công trình khu văn phòng, bãi chế biến	Trồng cây trong vòng 6 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc

2	Đào hố, bổ sung đất màu để trồng cây keo xen kẽ cây cỏ lau khu vực văn phòng, bãi chế biến	trong 3 năm tiếp theo, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý
III Khu vực bị ảnh hưởng		
	Đào hố, bổ sung đất màu để trồng cây Sanh xen kẽ cây cỏ lau khu vực bị ảnh hưởng	Trồng cây trong vòng 6 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm tiếp theo, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý
IV Khu vực phụ trợ khai thác		
	Đào hố, bổ sung đất màu để trồng cây Sanh xen kẽ cây cỏ lau khu phụ trợ khai thác	Trồng cây trong vòng 6 tháng sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 3 năm tiếp theo, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Xử lý bụi tại trạm nghiền sàng:

- Nguồn phát sinh: Bụi đất đá là bụi tro, có kích thước lớn, không chứa các hợp chất có tính độc phát sinh từ quá trình nghiền sàng đá được xử lý tại chỗ bằng biện pháp phun nước.

- Vị trí phát sinh bụi: tại máy cấp liệu rung, nghiền sơ cấp, nghiền Roto, sàng rung và đầu rót băng tải.

- Phương thức xả thải bụi: bụi phát sinh tự phát thải ra môi trường.

- Công trình, biện pháp xử lý bụi: Lắp đặt 11 vị trí đập bụi như sau: 01 vị trí tại máy cấp liệu rung, 01 vị trí của máy nghiền sơ cấp, 01 vị trí máy nghiền Roto, 01 vị trí đầu vào của sàng rung, 07 đầu rót băng tải sản phẩm.

- Trang thiết bị: đường ống HDPE (Ø25, Ø21) với tổng chiều dài khoảng 600m, 01 máy bơm công suất 1,5m³/h.

- Định mức nước sử dụng: 1m³ nước trên 100 m³ đá thành phẩm khoảng 3,2 m³/ngày tương đương ~ 0,4 m³/h.

- Vận hành thường xuyên công trình, biện pháp xử lý bụi trong quá trình hoạt động.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trồng đủ diện tích cây xanh trong khu vực dự án. Hoàn thiện hệ thống rãnh thu gom và hố lắng nước mưa xong trước 30/6/2023.

6. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn;

7. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.